

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 11 - 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;
2. Ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1974; nơi cư trú: số 491, tổ 13, ấp L, xã B, huyện M, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lư Văn H, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 640, tổ 19, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (bà N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Lư Văn H tự quen nhau và chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Chung sống tại Châu Đốc được vài tháng thì nguyên đơn và bị đơn về huyện Chợ Mới sinh sống. Sau khi

nguyên đơn sinh con thì bị đơn đi và về bất thường, có khi cả tháng mới về thăm nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn không sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Lư Minh Th, sinh ngày 04/11/1997 đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lư Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông Lư Văn H tại Ban khóm T, phường N, thành phố D, được biết: Bị đơn ông Lư Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 640, tổ 19 khóm T, phường N, thành phố D. Bị đơn hiện đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh không có ở địa phương.

Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà N, ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà N, ông H là vợ chồng. Đối với con chung, Lư Minh Th, sinh ngày 04/11/1997 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn khai chung sống với bị đơn như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cho biết: Bà N, ông H không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cho biết: Qua tra cứu thông tin hộ tịch từ năm 1995 đến nay thì không tìm thấy thông tin về việc đăng ký kết hôn của bà N và ông H.

Từ các căn cứ nêu trên, xét không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh mà nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn, thấy rằng cháu Lư Minh Th, sinh ngày 04/11/1997 đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lư Văn H là vợ chồng.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0003211 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lư Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm